



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG  
TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
<b>ĐẾN</b>	Số: 30.276
	Giờ: Ngày 27 tháng 8 năm 13



## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3 - 4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 06 năm 2013	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 37

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tập Đoàn Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long, (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được soát xét cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoàng Long được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở được đặt tại 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng.

Đến thời điểm 30/06/2013, Công ty có đầu tư vào 08 công ty con.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điếu, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cừ tràm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mượn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi (ngoài tỉnh);
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyển nhượng cầu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình);
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất chế biến thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại....

### 2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch
Bà Phạm Thúy An	Thành viên
Ông Ngô Kinh Luân	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Châu Minh Đạt	Thành viên



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Phạm Phúc Toại	Tổng Giám Đốc
Ông Châu Minh Đạt	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Đặng Hoàng Phương	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Phan Văn Thanh	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Trần Đình Tôn	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Quốc Đạo	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Trúc	Giám Đốc Tài Chính kiêm Kế Toán Trưởng

**3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013**

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soát xét bởi Công ty Kiểm toán DTL.

**4. Cam kết của Tổng Giám Đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Tập đoàn.

**6. Ý kiến của Tổng Giám đốc**

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Long An, ngày 26 tháng 08 năm 2013







Số: 14.179/BCSX-DTL

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi:**  
**Các Cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Các thành viên Ban Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 37 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tuy nhiên, theo chúng tôi, báo cáo tài chính còn bị giới hạn bởi vấn đề sau :

1/ Về số dư đầu năm và lợi nhuận sau thuế của kỳ trước : Như đã trình bày trên báo cáo kiểm toán năm 2012, tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang của nhà máy chế biến thủy sản Hoàng Long đến ngày 31/12/2012 là 589.718.861.217 đồng; trong đó, hầu hết các tài sản đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, theo trình bày của Công ty, đến 31/12/2012 Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục nghiệm thu, quyết toán công trình nên chưa kết chuyển tài sản và chưa trích khấu hao tương ứng với giá trị khấu hao ước tính cả năm là khoản 30 tỷ đồng. Theo quy định của chế độ kế toán Việt Nam, trong trường hợp này, cần căn cứ vào chi phí đầu tư xây dựng cơ bản thực tế, tạm tính nguyên giá để ghi tăng tài sản cố định để có cơ sở tính, trích khấu hao tài sản cố định đưa vào sử dụng. Do đó, nếu ghi tăng tài sản cố định đã đưa vào sử dụng theo quy định nêu trên thì trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013, chỉ tiêu Nguyên giá tài sản cố định đầu năm sẽ tăng thêm khoản 589 tỷ đồng, chỉ tiêu Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đầu năm sẽ giảm đi khoản 589 tỷ đồng, và chỉ tiêu Khấu hao lũy kế đầu năm sẽ tăng thêm khoản 30 tỷ đồng và chỉ tiêu Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm sẽ giảm đi khoản 29 tỷ đồng; đồng thời, trên báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng 2013, chỉ tiêu Tổng lợi nhuận trước thuế của kỳ trước sẽ giảm từ lãi 23.620.969.798 đồng xuống còn lãi khoản 8,6 tỷ đồng, và do đó, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm từ lãi 22.398.278.538 đồng xuống còn lãi khoản 7,4 tỷ đồng.

2/ Tại thời điểm lập báo cáo soát xét, Công ty đang kiện ra tòa để thu hồi các khoản phải thu của Pescados Pcs, HLG Holding Corp và Công ty TNHH Hiệp Sinh Tồn với tổng số dư nợ là 67.690.879.414 đồng. Đến nay, Công ty vẫn chưa nhận được phán quyết cuối cùng của tòa án nên khả năng thu hồi các khoản công nợ này chưa chắc chắn. Tuy nhiên, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi này theo quy định hiện hành với số tiền ước tính khoản 33,8 tỷ. Nếu Công ty lập dự phòng cho các khoản phải thu này thì trên bảng cân đối kế toán ngày 30/06/2013, chỉ tiêu dự phòng phải thu khó đòi sẽ tăng lên khoản 33,8 tỷ đồng tương ứng; đồng thời trên báo cáo kết quả kinh doanh, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế 6 tháng năm 2013 tăng từ lỗ 53.253.373.589 đồng lên thành lỗ khoản 87 tỷ đồng và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế sẽ tăng từ lỗ 46.109.128.965 đồng lên thành lỗ khoản 71,5 tỷ đồng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2013

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TẶNG QUỐC THẮNG**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
Kiểm toán số 0075-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**DIỆC LỆ BÌNH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
Kiểm toán số 1714-2013-026-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.490.818.375.332</b>	<b>1.449.433.550.986</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	5.1	<b>11.757.337.994</b>	<b>21.689.041.968</b>
1. Tiền	111		11.757.337.994	21.689.041.968
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>	5.2	<b>837.671.261.226</b>	<b>866.192.004.131</b>
1. Phải thu khách hàng	131		293.729.475.087	314.513.774.744
2. Trả trước cho người bán	132		69.908.489.472	127.790.235.506
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		479.330.050.414	429.581.906.173
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(5.296.753.747)	(5.693.912.292)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	5.3	<b>596.190.964.397</b>	<b>532.464.232.777</b>
1. Hàng tồn kho	141		596.190.964.397	532.464.232.777
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>45.198.811.715</b>	<b>29.088.272.110</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	3.274.349.925	4.494.037.175
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.155.781.086	10.767.569.309
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	1.050.401.579	1.067.024.088
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	9.718.279.125	12.759.641.538

(Phần tiếp theo ở trang 06)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.020.702.333.998</b>	<b>1.071.302.984.074</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>860.032.812.627</b>	<b>916.344.395.038</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	724.659.940.202	255.739.540.260
+ Nguyên giá	222		825.394.053.094	393.929.089.502
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.734.112.892)	(138.189.549.242)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	43.651.656.308	51.838.881.230
+ Nguyên giá	228		44.339.623.000	52.473.347.920
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(687.966.692)	(634.466.690)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	91.721.216.117	608.765.973.548
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>	5.10	<b>132.098.108.439</b>	<b>132.038.108.439</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		132.098.108.439	132.038.108.439
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Lợi thế thương mại</i>	<b>260</b>		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>270</b>		<b>28.571.412.932</b>	<b>22.920.480.596</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.11	8.710.048.754	10.868.586.981
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	5.12	18.705.536.801	10.896.066.238
3. Tài sản dài hạn khác	278	5.13	1.155.827.377	1.155.827.377
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>2.511.520.709.330</b>	<b>2.520.736.535.060</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.033.483.343.644</b>	<b>2.003.026.290.687</b>
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<b>310</b>		<b>1.577.397.006.427</b>	<b>1.929.901.577.794</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	873.178.000.149	1.183.752.147.602
2. Phải trả người bán	312	5.15	310.001.011.146	434.634.071.627
3. Người mua trả tiền trước	313	5.15	68.859.694.820	143.265.820.127
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	21.443.631.434	15.418.547.753
5. Phải trả người lao động	315		8.367.702.264	11.820.439.891
6. Chi phí phải trả	316	5.17	28.819.605.996	53.580.980.912
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.18	247.799.642.956	66.710.695.136
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		18.927.717.662	20.718.874.746
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<b>330</b>		<b>456.086.337.217</b>	<b>73.124.712.893</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.19	5.947.291.646	6.416.400.888
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.20	438.024.934.910	54.199.001.344
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	5.21	14.510.651	14.510.651
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.22	12.099.600.010	12.494.800.010
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339		-	-
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>474.837.942.053</b>	<b>517.334.880.120</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<b>410</b>	5.23	<b>474.837.942.053</b>	<b>517.334.880.120</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		443.753.850.000	443.753.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.640.561.505	19.625.260.797
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.839.181.571	16.826.941.005
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.104.348.977	44.628.828.318
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>	5.24	<b>3.199.423.633</b>	<b>375.364.253</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.511.520.709.330</b>	<b>2.520.736.535.060</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại :			
- USD		46.006,86	369.536,11
- EUR		341,19	1.575,85
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 15 tháng 07 năm 2013

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN**  
**TẬP ĐOÀN**  
**HOÀNG LONG**  
 H. H. BẾN LÚC, LONG AN



PHẠM PHÚC TOẠI



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	653.176.835.264	1.057.635.262.587
2. Các khoản giảm trừ	02	6.1	115.447.474.543	19.531.829.177
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	537.729.360.721	1.038.103.433.410
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	526.162.381.348	897.650.231.945
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.566.979.373	140.453.201.465
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	23.405.339.891	4.931.941.676
7. Chi phí tài chính	22	6.4	76.396.548.306	39.222.129.335
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		67.980.324.313	31.729.446.076
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	34.956.304.202	48.308.679.687
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	32.932.875.719	35.857.425.002
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(109.313.408.963)	21.996.909.117
11. Thu nhập khác	31	6.7	103.835.489.964	4.877.825.930
12. Chi phí khác	32	6.8	47.775.454.590	3.253.765.249
13. Lợi nhuận khác	40		56.060.035.374	1.624.060.681
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		(53.253.373.589)	23.620.969.798
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		722.055.399	1.248.124.203
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.9	(7.824.479.549)	(11.233.477)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		(46.150.949.439)	22.384.079.072
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		(41.820.474)	(14.199.466)
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		(46.109.128.965)	22.398.278.538
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	80	5.23	(1.043)	506

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 15 tháng 07 năm 2013



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(53.253.373.589)	23.620.969.798
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		28.042.269.505	19.696.685.581
Các khoản dự phòng	03		(397.158.545)	3.071.991.139
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		3.757.671.737	(2.361.692.040)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(19.141.574.889)	(438.553.760)
Chi phí lãi vay	06		67.980.324.313	31.729.446.076
Điều chỉnh khác			-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>26.988.158.532</b>	<b>75.318.846.794</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(92.840.493.839)	(415.738.081.752)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(63.726.731.620)	12.027.876.453
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		102.542.211.911	546.808.821.475
Tăng giảm chi phí trả trước	12		3.378.225.477	(44.401.853)
Tiền lãi vay đã trả	13		(49.084.705.356)	(35.080.003.174)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.293.205.389)	(544.837.781)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		6.450.097.490	12.700.910.465
Tiền chi khác từ hoạt kinh doanh			(3.046.726.390)	(50.185.107.363)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>			<b>(70.633.169.184)</b>	<b>145.264.023.264</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(43.531.411.290)	(47.569.519.375)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		35.184.636.325	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(60.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.897.039.934	438.553.760
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(4.509.735.031)</b>	<b>(47.130.965.615)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		904.414.349.392	1.364.930.599.250
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(839.203.593.274)	(1.437.817.123.704)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45.000)	(26.508.120.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>65.210.711.118</b>	<b>(99.394.644.454)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(9.932.193.097)</b>	<b>(1.261.586.805)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>21.689.041.968</b>	<b>17.504.224.245</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		489.123	(119.531.607)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>11.757.337.994</b>	<b>16.123.105.833</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 15 tháng 07 năm 2013  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
 PHẠM PHÚC TOẠI

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 08 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điếu, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê : máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại ; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cừ tràm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mướn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi ( ngoài tỉnh);
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyển nhượng cầu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng ( trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình);
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất và chế biến thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại...

(Phần tiếp theo ở trang 13)



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Lầu 2, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Tầng trệt, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức tỉnh Long An	100%	100%
4.	Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	281-283 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP.HCM	100%	100%
5.	Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
6.	Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
7.	Công ty CP Thanh Mỹ (*)	469 Đinh Bộ Lĩnh, KP5, Phường 9, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	98.90%	98.90%
8.	Công ty CP Mê Kông	Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	79.74%	60%

(\*) Tại thời điểm 30/06/2013, Công ty đã tiến hành thanh lý khoản đầu tư vào công ty con – Công ty CP Thanh Mỹ.

## 1.4. Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
Công ty TNHH SX và TMDV Thanh Thy	A-14 Lô H30 Khu Phố Mỹ Quang, Q.7, TP.HCM	30%	30%

## 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam

## 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long, báo cáo tài chính các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Tại thời điểm thụ đắc công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán trực tiếp vào chi phí trong kỳ.

#### 4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### 4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

## 4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản khác	02 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 – 50 năm

## 4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

## 4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần lương tối thiểu chung được Chính Phủ quy định trong từng thời kỳ.

## 4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: trích lập căn cứ vào Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm.

#### 4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

- Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ghi nhận khi thu được 70% tiền ứng trước từ khách hàng theo quy định trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

#### 4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các công ty trong Tập đoàn.

#### 4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	7.842.128.826	7.921.394.495
Tiền gửi ngân hàng	3.915.209.168	13.767.647.473
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.757.337.994</b>	<b>21.689.041.968</b>

**5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	293.729.475.087	314.513.774.744
Trả trước cho người bán	69.908.489.472	127.790.235.506
Các khoản phải thu khác	479.330.050.414	429.581.906.173
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>842.968.014.973</b>	<b>871.885.916.423</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.296.753.747)	(5.693.912.292)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>837.671.261.226</b>	<b>866.192.004.131</b>

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu về hoạt động thương mại	269.177.753.456	256.459.082.633
Phải thu hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	24.551.721.631	58.054.692.111
<b>Cộng</b>	<b>293.729.475.087</b>	<b>314.513.774.744</b>

Các khoản trả trước người bán được chi tiết như sau :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trả trước hoạt động thi công	-	4.295.995.832
Trả trước hoạt động thương mại	13.198.414.945	2.147.650.016
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu	55.904.708.700	120.097.755.796
Khác	805.365.827	1.248.833.862
<b>Cộng</b>	<b>69.908.489.472</b>	<b>127.790.235.506</b>

Chi tiết các khoản phải thu khác gồm :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu tiền cho mượn	439.232.466.961	408.673.781.715
Phải thu tiền lãi cho mượn tạm	24.264.333.333	6.000.000.000
Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng	1.175.809.237	1.230.224.437
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa khấu trừ	2.550.399.046	156.012.710
Phải thu thuế nhập khẩu được hoàn	4.075.228.653	6.677.011.993
Phải thu do chi trước quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.524.034.723	2.375.734.723
Ứng trước tiền nuôi thủy sản	3.012.791.500	-
Phải thu Công ty Thanh Thy – xem mục 7	542.000.000	542.000.000
Khác	1.952.986.961	3.927.140.595
<b>Cộng</b>	<b>479.330.050.414</b>	<b>429.581.906.173</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	53.605.000	116.836.209
Nguyên liệu, vật liệu	14.049.593.982	24.657.224.710
Công cụ, dụng cụ	6.760.922.461	8.517.698.757
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	117.052.836.200	277.042.736.980
Thành phẩm	429.100.828.720	193.814.886.699
Hàng hóa	29.173.178.034	28.314.849.422
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>596.190.964.397</b>	<b>532.464.232.777</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>596.190.964.397</b>	<b>532.464.232.777</b>

### 5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.660.893.764	2.422.273.276
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	956.156.513	1.667.014.665
Khác	657.299.648	404.749.234
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.274.349.925</b>	<b>4.494.037.175</b>

### 5.5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế TNDN nộp thừa	1.039.722.131	1.054.662.530
Thuế TNCN nộp thừa	10.110.606	10.245.856
Khác	568.842	2.115.702
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.050.401.579</b>	<b>1.067.024.088</b>

### 5.6. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	7.446.166.896	5.243.723.602
Kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn	2.272.112.229	7.515.917.936
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.718.279.125</b>	<b>12.759.641.538</b>

(Phần tiếp theo ở trang 19)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	28.705.727.614	112.658.483.463	244.098.147.096	4.213.130.745	4.253.600.584	393.929.089.502
Tăng trong kỳ	403.476.444.590	143.621.775.134	3.599.971.630	-	-	550.698.191.354
Giảm do thanh lý công ty con	(4.267.836.400)	(6.598.396.148)	(2.117.155.472)	(72.223.600)	(2.230.404.127)	(15.286.015.747)
Giảm do thanh lý	-	-	(102.100.654.046)	-	-	(102.100.654.046)
Giảm theo TT45	(138.565.363)	(862.435.138)	(125.799.000)	(702.442.468)	(17.316.000)	(1.846.557.969)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>427.775.770.441</b>	<b>248.819.427.311</b>	<b>143.354.510.208</b>	<b>3.438.464.677</b>	<b>2.005.880.457</b>	<b>825.394.053.094</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	7.748.041.466	27.135.326.067	97.922.669.991	3.723.168.952	1.660.342.766	138.189.549.242
Khấu hao trong kỳ	5.141.569.301	9.835.049.679	12.630.533.346	116.022.458	265.594.719	27.988.769.503
Giảm do thanh lý công ty con	(367.095.433)	(3.010.456.402)	(1.130.478.097)	(35.713.785)	(1.111.282.099)	(5.655.025.816)
Giảm do thanh lý	-	-	(58.779.406.084)	-	-	(58.779.406.084)
Giảm theo TT45	(42.571.504)	(406.812.051)	(47.464.530)	(507.731.068)	(5.194.800)	(1.009.773.953)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>12.479.943.830</b>	<b>33.553.107.293</b>	<b>50.595.854.626</b>	<b>3.295.746.557</b>	<b>809.460.586</b>	<b>100.734.112.892</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	20.957.686.148	85.523.157.396	146.175.477.105	489.961.793	2.593.257.818	255.739.540.260
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>415.295.826.611</b>	<b>215.266.320.018</b>	<b>92.758.655.582</b>	<b>142.718.120</b>	<b>1.196.419.871</b>	<b>724.659.940.202</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp là : 127.315.811.370 đồng
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.807.718.742 đồng

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	52.463.047.920	10.300.000	52.473.347.920
Giảm do thanh lý công ty con	(8.133.724.920)	-	(8.133.724.920)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>44.329.323.000</b>	<b>10.300.000</b>	<b>44.339.623.000</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	624.166.690	10.300.000	634.466.690
Khấu hao trong kỳ	53.500.002	-	53.500.002
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>677.666.692</b>	<b>10.300.000</b>	<b>687.966.692</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	51.838.881.230	-	51.838.881.230
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>43.651.656.308</b>	<b>-</b>	<b>43.651.656.308</b>

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.300.000 đồng
- Giá trị còn lại tài sản thế chấp cho ngân hàng là 21.406.657.163 đồng

### 5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	173.218.403	4.812.582.042
Hệ thống xử lý nước khoáng, giếng bình	-	2.332.579.772
Giếng khoan	-	1.959.967.573
Quyền sử dụng đất nhà xưởng nước khoáng	-	4.444.324.028
Hệ thống xử lý nước thải Long Cang	4.628.173.443	4.628.173.443
Công trình nhà máy chế biến thủy sản Thủy Sản Hoàng Long	86.295.939.968	589.718.861.217
Khác	623.884.303	869.485.473
<b>Tổng cộng</b>	<b>91.721.216.117</b>	<b>608.765.973.548</b>

### 5.10. Đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản góp vốn vào Công ty TNHH SX và TM Thanh Thy với tỷ lệ góp vốn bằng 30% vốn chủ sở hữu.

### 5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí CCDC chờ phân bổ	5.837.887.688	4.834.170.106
Chi phí cải tạo ao, nhà kho	1.772.933.563	1.885.816.587
Chi phí thuê đất	489.718.770	518.525.754
Chi phí sửa chữa lớn	404.655.128	3.630.074.534
Khác	204.853.605	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.710.048.754</b>	<b>10.868.586.981</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.12. Tài sản thuế hoãn lại

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim	3.526.679.708	3.526.679.708
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	-	7.139.034.378
Tài sản thuế hoãn lại liên quan đến việc chuyển lỗ phát sinh trong kỳ	14.979.947.418	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời khác	198.909.675	230.352.152
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.705.536.801</b>	<b>10.896.066.238</b>

### 5.13. Tài sản dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đặt cọc thuê nhà xưởng, bến đậu	312.100.000	312.100.000
Ký quỹ chống phá giá cho bên Hoa Kỳ	843.727.377	843.727.377
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.155.827.377</b>	<b>1.155.827.377</b>

### 5.14. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	865.278.000.149	1.178.852.147.602
Vay đối tượng khác	7.900.000.000	4.900.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>873.178.000.149</b>	<b>1.183.752.147.602</b>

Các khoản vay ngân hàng có lãi suất từ 10%/năm đến 17.5%/năm đối với VNĐ, 6%/năm đến 8%/năm đối với USD với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp sau:

- Quyền sử dụng đất tại xã Long Cang, Huyện Cần Đước, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 0099/NHNT-TDC/TC11 ngày 23 tháng 03 năm 2011
- Các tài sản thế chấp cho ngân hàng PG Bank ứng với hợp đồng tín dụng số 149/2011/HMTD/NH-PN/PCB ngày 29/03/2011. Trị giá tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tương ứng là 425.506.492.000 đồng.
- 7.400.658 cổ phiếu HLG được phát hành bởi Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long trị giá 189.456.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp số 0142/HDTG/PGBLA/09 ngày 30/12/2009
- Toàn bộ bất động sản tại nhà máy, hàng tồn kho, các khoản phải thu, các trang thiết bị, máy móc tại nhà máy chế biến thủy sản.

Vay đối tượng khác dưới hình thức tín chấp với lãi suất 16.8%/năm

### 5.15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	310.001.011.146	434.634.071.627
Người mua trả tiền trước	68.859.694.820	143.265.820.127
<b>Tổng cộng</b>	<b>378.860.705.966</b>	<b>577.899.891.754</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả tiền đền bù giải tỏa	5.707.412.000	5.707.412.000
Phải trả tiền mua nhà máy sản xuất thức ăn nổi	7.362.600.000	7.289.800.000
Phải trả hoạt động thương mại	4.029.625.963	6.267.939.240
Phải trả tiền mua nguyên liệu chế biến thủy sản	291.749.041.691	413.653.545.563
Phải trả về hoạt động thi công	1.152.331.492	1.263.871.662
Khác	-	451.503.162
<b>Cộng</b>	<b>310.001.011.146</b>	<b>434.634.071.627</b>

Chi tiết khoản người mua trả tiền trước như sau :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trả trước cho hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	1.985.213.293	10.790.709.001
Trả trước cho hoạt động thi công	17.112.167.212	-
Trả trước cho hoạt động thương mại	49.738.313.815	130.374.843.889
Khác	24.000.500	2.100.267.237
<b>Cộng</b>	<b>68.859.694.820</b>	<b>143.265.820.127</b>

**5.16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế GTGT hàng nội địa	9.085.974.514	4.848.542.289
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.550.399.045	-
Thuế TNDN	5.633.390.690	6.812.891.025
Thuế TNCN	783.330.773	611.147.426
Thuế tài nguyên	23.544.385	22.488.190
Các khoản phí, lệ phí	3.366.992.027	3.123.478.823
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.443.631.434</b>	<b>15.418.547.753</b>

**5.17. Chi phí phải trả**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước chi phí cho công trình Long Kim 2	18.513.790.507	18.513.790.507
Trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	-	28.625.323.710
Trích trước chi phí nuôi cá chưa quyết toán	5.825.880.400	-
Trích trước chi phí vận chuyển	1.414.307.066	-
Trích trước chi phí điện	-	2.354.270.800
Trích trước chi phí lãi vay	2.507.925.053	2.416.533.246
Khác	557.702.970	1.671.062.649
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.819.605.996</b>	<b>53.580.980.912</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.362.753.180	1.170.316.634
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	5.054.821.070	2.824.712.549
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	605.446.000	603.726.000
Phải trả Công ty TNHH Thanh Thy – xem mục 7	11.159.443.935	13.469.443.935
Phải trả tiền mượn cho ông Phạm Phúc Toại – xem mục 7	23.388.630.239	8.451.812.779
Phải trả tiền mượn cho Bà Phạm Thúy An – xem mục 7	7.783.000.000	7.783.000.000
Phải trả tiền mượn cho ông Phạm Hoàng Long – xem mục 7	198.246.000	198.246.000
Phải trả tiền hàng chưa có hóa đơn	17.449.270.298	10.452.517.225
Phải trả tiền lãi vay	21.678.512.779	2.874.285.629
Phải trả tiền mượn các đối tượng khác	156.299.644.346	8.241.738.984
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.819.875.109	10.640.895.401
<b>Tổng cộng</b>	<b>247.799.642.956</b>	<b>66.710.695.136</b>

### 5.19. Phải trả dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhận ký quỹ của tài xế lái xe taxi	5.597.291.646	6.036.400.888
Nhận ký quỹ khác	350.000.000	380.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.947.291.646</b>	<b>6.416.400.888</b>

### 5.20. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay ngân hàng với lãi suất từ 14%/năm đến 19%/năm đối với VNĐ và 6%/năm đối với USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp gồm :

- 7.400.658 cổ phiếu HLG theo hợp đồng thế chấp số 0142/HĐTC/PGBLA/09 ngày 30/12/2009.
- Xe ô tô KIA CARENS theo các hợp đồng thế chấp sau : hợp đồng 3001/2011/HĐTC-DN.HCM ngày 08/01/2011, hợp đồng 8412/2010/HĐTC-DN.HCM, hợp đồng 1905/2011/HĐTC-DN.HCM ngày 20/05/2011, hợp đồng 03.20.2011.00202 TSTC/VCBNSG ngày 8/9/2011 và hợp đồng tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay cho ngân hàng Shinhan
- Toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà xưởng, thiết bị thuộc dự án Nhà máy chế biến thủy sản Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 277/2009/HĐTC/PGB ngày 22/07/2009
- Diện tích đất trồng lúa tại huyện Tam Nông và huyện Thanh Bình

### 5.21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Là thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản lỗ chưa thực hiện trong hàng tồn kho

### 5.22. Doanh thu chưa thực hiện

Là tiền khách hàng ứng trước theo tiến độ hợp đồng kinh doanh bất động sản

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.23. Vốn chủ sở hữu**

**5.23.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>93.962.961</b>	<b>30.794.734.299</b>	<b>104.619.513.448</b>	<b>571.762.060.708</b>
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	306.014.153	306.014.153
CL tỷ giá	-	-	(93.962.961)	-	-	(93.962.961)
Trích quỹ	-	-	-	5.657.467.503	(11.943.542.506)	(6.286.075.003)
Tặng khác	-	-	-	-	299.155.723	299.155.723
Chia cổ tức	-	-	-	-	(48.652.312.500)	(48.652.312.500)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>36.452.201.802</b>	<b>44.628.828.318</b>	<b>517.334.880.120</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(46.109.128.965)	(46.109.128.965)
Trích quỹ	-	-	-	27.541.274	(58.142.690)	(30.601.416)
Tặng do thanh lý công ty Thanh Mỹ và đầu tư vào Công ty CP Mê Kông	-	-	-	-	3.642.837.314	3.642.837.314
Chia cổ tức	-	-	-	-	(45.000)	(45.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>36.479.743.076</b>	<b>2.104.348.977</b>	<b>474.837.942.053</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.23.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	443.753.850.000	443.753.850.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>443.753.850.000</b>

### 5.23.3. Cổ phần

Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	44.375.388	44.375.388
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(150.000)	(150.000)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	44.225.385	44.225.385

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

### 5.23.4. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi (lỗ) hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(46.109.128.965)	22.398.278.538
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	44.225.385	44.225.385
<b>Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>(1.043)</b>	<b>506</b>

### 5.24. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	375.364.253	13.594.638.475
Giảm do cổ đông thiểu số giảm trong kỳ	-	(13.466.823.640)
Tăng do đầu tư vào công ty CP Me Kong	2.814.273.113	-
Giảm lỗ do thanh lý công ty Thanh Mỹ	51.606.741	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	(41.820.474)	(14.199.466)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.199.423.633</b>	<b>113.615.369</b>

## 6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động thương mại	47.473.035.725	59.225.469.000
Doanh thu hoạt động thi công	6.961.732.671	7.656.743.921
Doanh thu kinh doanh bất động sản	675.551.818	2.209.696.370
Doanh thu cung cấp dịch vụ	362.585.829	296.234.297
Doanh thu cung cấp nước	4.442.637.366	4.942.169.743
Doanh thu taxi	69.290.878.148	70.460.151.626
Doanh thu chế biến thủy sản	518.584.358.762	905.923.586.685
Doanh thu khác	5.386.054.945	6.921.210.945
Các khoản giảm trừ	(115.447.474.543)	(19.531.829.177)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>537.729.360.721</b>	<b>1.038.103.433.410</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hoạt động thương mại	44.817.033.112	56.591.983.295
Giá vốn hoạt động thi công	6.771.117.884	7.556.802.082
Giá vốn hoạt động bất động sản	(191.146.532)	2.418.040.390
Giá vốn cung cấp DV	282.673.140	-
Giá vốn cung cấp nước	2.478.616.089	2.382.693.316
Giá vốn hoạt động taxi	56.356.737.241	53.239.506.296
Giá vốn chế biến thủy sản	459.882.246.828	767.968.321.913
Giá vốn hoạt động khác	4.634.242.201	4.420.893.514
Giá vốn hàng bán bị trả lại	(48.869.138.615)	3.071.991.139
<b>Tổng cộng</b>	<b>526.162.381.348</b>	<b>897.650.231.945</b>

### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.161.373.267	438.553.760
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.026.699.302	2.098.045.374
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	217.267.322	2.395.342.542
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.405.339.891</b>	<b>4.931.941.676</b>

### 6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	67.980.324.313	31.729.446.076
Lỗ do thanh lý công ty con	51.606.741	-
Chiết khấu thanh toán	-	25.190.700
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.297.454.443	7.089.358.956
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.974.939.059	33.650.502
Khác	92.223.750	344.483.101
<b>Tổng cộng</b>	<b>76.396.548.306</b>	<b>39.222.129.335</b>

### 6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	3.340.141.740	4.074.204.570
Chi phí dụng cụ, đồ dùng, vật liệu, bao bì	8.952.637.919	9.269.535.775
Chi phí khấu hao tài sản cố định	232.506.288	264.674.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.529.809.720	31.739.593.741
Chi phí bằng tiền khác	901.208.535	2.960.670.931
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.956.304.202</b>	<b>48.308.679.687</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	17.805.401.550	19.450.293.095
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.936.387.250	2.749.035.099
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.147.839.799	2.574.711.925
Thuế, phí và lệ phí	579.999.636	139.710.590
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.893.760.672	3.195.355.272
Chi phí bằng tiền khác	6.569.486.812	7.748.319.021
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.932.875.719</b>	<b>35.857.425.002</b>

### 6.7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi do đầu tư vào công ty con	5.079.420.000	-
Thu tiền bán phế liệu	8.659.632.581	745.619.031
Thu thanh lý tài sản cố định	35.273.636.325	-
Xử lý chi phí vùng nuôi – chênh lệch quyết toán	10.972.374.725	-
Xử lý hàng tồn kho – chênh lệch với kiểm kê	41.257.981.861	-
Thu lại trả chậm, phạt vi phạm hợp đồng	525.643.670	1.333.209.001
Xử lý công nợ	600.000.000	-
Xử lý quỹ hỗ trợ tai nạn và quỹ sửa chữa	860.813.417	876.023.836
Thu tiền đồng phục của nhân viên	-	264.930.008
Thu nhập khác	605.987.385	1.658.044.054
<b>Tổng cộng</b>	<b>103.835.489.964</b>	<b>4.877.825.930</b>

### 6.8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất	-	2.305.709.117
Chi phí thanh lý tài sản cố định	43.321.247.962	-
Chi phí liên kết nuôi ao	3.773.773.154	-
Tiền phạt do thanh lý hợp đồng	146.711.600	-
Chi phí khác	533.721.874	948.056.132
<b>Tổng cộng</b>	<b>47.775.454.590</b>	<b>3.253.765.249</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chênh lệch tạm thời	Số tiền	Thuế suất	Chi phí thuế hoãn lại
Chi phí thuế hoãn lại do hoãn nhập chi phí trích trước khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	28.556.137.512	25%	7.139.034.378
Chi phí thuế hoãn lại cho khoản chuyển lỗ phát sinh trong kỳ	(59.919.789.671)	25%	(14.979.947.418)
Thuế hoãn lại từ việc hoãn nhập lãi chưa thực hiện của năm nay	65.733.964	25%	16.433.491
<b>Tổng cộng</b>			<b>(7.824.479.549)</b>

### 6.10. Chi phí theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, CCDC	525.580.037.712	795.689.608.841
Chi phí nhân viên	74.594.742.497	65.948.610.344
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.042.269.505	19.696.685.581
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	40.751.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.816.331.931	74.280.452.955
Chi phí bằng tiền khác	11.325.034.853	20.346.492.684
<b>Tổng cộng</b>	<b>670.361.416.498</b>	<b>976.002.601.769</b>

### 7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- + Sản xuất, thương mại
- + Thi công xây lắp
- + Bất động sản
- + Dịch vụ taxi
- + Nuôi trồng, chế biến thủy sản
- + Khác : cung cấp nước; sản xuất và cung cấp nước đá và các hoạt động khác

(Phần tiếp theo ở trang 29)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Báo cáo bộ phận theo ngành nghề kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013 như sau :

Lĩnh vực	Sản xuất, thương mại	Thi công	Bất động sản	DV Taxi	Chế biến thủy sản	Khác	Cộng
Doanh thu thuần	47.473.035.725	6.961.732.671	(99.773.626.493)	69.243.628.252	503.633.312.426	10.191.278.140	537.729.360.721
Giá vốn	44.817.033.112	6.771.117.884	(49.060.285.147)	56.356.737.241	459.882.246.828	7.395.531.430	526.162.381.348
Lãi gộp	2.656.002.613	190.614.787	(50.713.341.346)	12.886.891.011	43.751.065.598	2.795.746.710	11.566.979.373
Kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế, trước hoạt động tài chính và trước hoạt động khác	(4.328.211.780)	(72.350.416)	(50.713.341.346)	1.608.975.403	(2.464.569.421)	(352.702.988)	(56.322.200.548)
Doanh thu tài chính	296.420.620	11.256.124.094	-	14.343.293	981.484.559	10.856.967.325	23.405.339.891
Chi phí tài chính	20.662.448.232	11.683.116.477	-	2.822.463.082	29.960.835.687	11.267.684.828	76.396.548.306
Lợi nhuận tài chính	(20.366.027.612)	(426.992.383)	-	(2.808.119.789)	(28.979.351.128)	(410.717.503)	(52.991.208.415)
Thu nhập khác	993.772.094	55.995.553	-	35.743.341.920	66.867.575.313	174.805.084	103.835.489.964
Chi phí khác	261.493.588	-	126.330.553	42.003.994.623	4.775.525.337	608.110.489	47.775.454.590
Lợi nhuận khác	732.278.506	55.995.553	(126.330.553)	(6.260.652.703)	62.092.049.976	(433.305.405)	56.060.035.374
Tổng lợi nhuận trước thuế	(23.961.960.886)	(443.347.246)	(50.839.671.899)	(7.459.797.089)	30.648.129.427	(1.196.725.896)	(53.253.373.589)
Chi phí thuế TNDN	(832.268.797)	-	(4.915.915.570)	(1.838.558.741)	295.859.412	188.459.546	(7.102.424.150)
Lợi nhuận sau thuế	(23.129.692.089)	(443.347.246)	(45.923.756.329)	(5.621.238.348)	30.352.270.015	(1.385.185.442)	(46.150.949.440)
Lợi ích CĐ TS	-	-	-	-	(14.849.481)	(26.970.993)	(41.820.474)
Lợi ích của cty mẹ	(23.129.692.089)	(443.347.246)	(45.923.756.329)	(5.621.238.348)	30.367.119.496	(1.358.214.449)	(46.109.128.966)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 như sau :

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	3.650.500.063.644	165.652.861.931	(1.318.040.999.299)	2.498.111.926.276
Tài sản không phân bổ				13.408.783.054
<b>Tổng tài sản</b>	<b><u>3.650.500.063.644</u></b>	<b><u>165.652.861.931</u></b>	<b><u>(1.318.040.999.299)</u></b>	<b><u>2.511.520.709.330</u></b>
Nợ phải trả bộ phận	2.806.242.201.593	1.598.222.722	(774.371.591.322)	2.033.468.832.993
Nợ phải trả không phân bổ				14.510.651
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b><u>2.806.242.201.593</u></b>	<b><u>1.598.222.722</u></b>	<b><u>(774.371.591.322)</u></b>	<b><u>2.033.483.343.644</u></b>

(Phần tiếp theo ở trang 31)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Báo cáo bộ phận theo ngành nghề kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012 :

Lĩnh vực	Sản xuất, thương mại	Thi công	Bất động sản	DV Taxi	Chế biến thủy sản	Khác	Cộng
Doanh thu thuần	58.943.094.039	7.656.743.921	2.209.696.370	70.390.694.827	886.743.589.268	12.159.614.985	1.038.103.433.410
Giá vốn	(56.591.983.295)	(7.556.802.082)	(2.418.040.390)	(53.239.506.296)	(771.040.313.052)	(6.803.586.830)	(897.650.231.945)
Kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế, trước hoạt động tài chính và trước hoạt động khác	<u>(5.070.313.884)</u>	<u>(674.041.870)</u>	<u>(245.189.208)</u>	<u>4.824.676.009</u>	<u>54.507.732.818</u>	<u>2.944.232.911</u>	<u>56.287.096.776</u>
Doanh thu tài chính	1.629.864.513	-	-	11.887.390	3.288.182.079	2.007.694	4.931.941.676
Chi phí tài chính	(25.618.876.673)	(1.348.286.667)	-	(3.921.210.375)	(8.333.755.620)	-	(39.222.129.335)
Lợi nhuận tài chính	<u>(23.989.012.160)</u>	<u>(1.348.286.667)</u>	<u>-</u>	<u>(3.909.322.985)</u>	<u>(5.045.573.541)</u>	<u>2.007.694</u>	<u>(34.290.187.659)</u>
Thu nhập khác	261.786.582	-	-	1.448.450.674	3.146.908.673	20.680.001	4.877.825.930
Chi phí khác	-	-	(2.305.709.117)	-	(948.028.845)	(27.287)	(3.253.765.249)
Lợi nhuận khác	<u>261.786.582</u>	<u>-</u>	<u>(2.305.709.117)</u>	<u>1.448.450.674</u>	<u>2.198.879.828</u>	<u>20.652.714</u>	<u>1.624.060.681</u>
Tổng lợi nhuận trước thuế	<u>(28.797.539.462)</u>	<u>(2.022.328.537)</u>	<u>(2.550.898.325)</u>	<u>2.363.803.698</u>	<u>51.661.039.105</u>	<u>2.966.893.319</u>	<u>23.620.969.798</u>
Chi phí thuế TNDN	(427.075.751)	-	5.530.082	(681.110.024)	-	(134.235.033)	(1.236.890.726)
Lợi nhuận sau thuế	<u>(29.224.615.213)</u>	<u>(2.022.328.537)</u>	<u>(2.545.368.243)</u>	<u>1.682.693.674</u>	<u>51.661.039.105</u>	<u>2.832.658.286</u>	<u>22.384.079.072</u>
Lợi ích CĐTS	(6.791.945)	-	-	-	-	(7.407.521)	(14.199.466)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	<u>(29.217.823.268)</u>	<u>(2.022.328.537)</u>	<u>(2.545.368.243)</u>	<u>1.682.693.674</u>	<u>51.661.039.105</u>	<u>2.840.065.807</u>	<u>22.398.278.538</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 :

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	3.243.888.786.236	123.511.655.199	(1.209.492.041.919)	2.157.908.399.516
Tài sản không phân bổ				3.852.030.220
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.243.888.786.236</b>	<b>123.511.655.199</b>	<b>(1.209.492.041.919)</b>	<b>2.161.760.429.736</b>
Nợ phải trả bộ phận	2.322.082.193.658	771.267.261	(722.879.030.282)	1.599.974.430.637
Nợ phải trả không phân bổ				14.510.651
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.322.082.193.658</b>	<b>771.267.261</b>	<b>(722.879.030.282)</b>	<b>1.599.988.941.288</b>

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013 :

	Trong nước	Nước Ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu	356.932.438.221	256.530.644.643	(75.733.722.143)	537.729.360.721
GV	352.654.864.105	253.456.312.563	(79.948.795.320)	526.162.381.348
Chi phí bán hàng	20.512.424.787	14.742.469.415	(298.590.000)	34.956.304.202
Chi phí QLDN	19.272.847.219	13.851.573.552	(191.545.052)	32.932.875.719
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế, trước hoạt động tài chính và trước hoạt động khác</b>	<b>(35.507.697.890)</b>	<b>(25.519.710.887)</b>	<b>4.705.208.229</b>	<b>(56.322.200.548)</b>
Thu nhập tài chính				23.405.339.891
Chi phí tài chính				(76.396.548.306)
Thu nhập khác				103.835.489.964
Chi phí khác				(47.775.454.590)
Thuế TNDN				(7.102.424.150)
Lợi ích của cổ đông thiểu số				(41.820.474)
<b>Lợi nhuận sau thuế của CĐ mẹ</b>				<b>(46.109.128.965)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012 :

	Trong nước	Nước Ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu	856.774.650.852	272.718.501.741	(91.389.719.183)	1.038.103.433.410
GV	749.978.749.155	237.946.892.769	(90.275.409.979)	897.650.231.945
Chi phí bán hàng	34.720.620.260	13.886.649.427	(298.590.000)	48.308.679.687
Chi phí QLDN	31.580.515.891	4.668.716.513	(391.807.402)	35.857.425.002
Kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế, trước hoạt động tài chính và trước hoạt động khác	<u>40.494.765.546</u>	<u>16.216.243.032</u>	<u>(423.911.802)</u>	<u>56.287.096.776</u>
Thu nhập tài chính				4.931.941.676
Chi phí tài chính				(39.222.129.335)
Thu nhập khác				4.877.825.930
Chi phí khác				(3.253.765.249)
Thuế TNDN				(1.236.890.726)
Lợi ích của cổ đông thiểu số				<u>(14.199.466)</u>
Lợi nhuận sau thuế của CĐ mẹ				<u><b>22.398.278.538</b></u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 8. Thông tin về các bên có liên quan

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, được gọi là các bên liên quan, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên có liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu Công ty Thanh Thy – xem mục 5.2	542.000.000	542.000.000
Phải trả Ông Phạm Phúc Toại – xem mục 5.18	23.388.630.239	8.451.812.779
Phải trả Ông Phạm Hoàng Long – xem mục 5.18	198.246.000	198.246.000
Phải trả Bà Phạm Thúy An – xem mục 5.18	7.783.000.000	7.783.000.000
Phải trả Công ty Thanh Thy – xem mục 5.18	11.159.443.935	13.469.443.935

- Bản chất các giao dịch với công ty liên kết và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay công ty TNHH Thanh Thy	942.616.104	1.661.163.882

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của công ty mẹ

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc của công ty mẹ	662.060.154	536.655.000

### 9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.12

- Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.757.337.994	21.689.041.968
Phải thu khách hàng và phải thu khác	754.942.313.134	723.493.644.167
Tài sản khác	3.427.939.606	8.671.745.313
<b>Tổng cộng</b>	<b>770.127.590.734</b>	<b>753.854.431.448</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	1.311.202.935.059	1.237.951.148.946
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	554.510.496.389	493.125.243.067
Chi phí phải trả	28.819.605.996	53.580.980.912
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.894.533.037.444</b>	<b>1.784.657.372.925</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc giai đoạn kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

### ▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### ▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

### ▪ Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2013	01/01/2013	30/06/2013	01/01/2013
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	17.591.727,99	17.011.554,74	7.920.482,27	8.299.389,96
<i>Euro (EUR)</i>	-	-	341,19	1.575,75

### ▪ Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tập đoàn vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

### ▪ Rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

### ▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	548.563.204.743	5.947.291.646	554.510.496.389
Chi phí phải trả	10.305.815.489	18.513.790.507	28.819.605.996
Các khoản vay	873.178.000.149	438.024.934.910	1.311.202.935.059
<b>Cộng</b>	<b>1.432.047.020.381</b>	<b>462.486.017.063</b>	<b>1.894.533.037.444</b>

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	473.239.398.244	19.885.844.823	493.125.243.067
Chi phí phải trả	6.441.866.695	47.139.114.217	53.580.980.912
Các khoản vay	1.183.752.147.602	54.199.001.344	1.237.951.148.946
<b>Cộng</b>	<b>1.663.433.412.541</b>	<b>121.223.960.384</b>	<b>1.784.657.372.925</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	754.942.313.134	-	754.942.313.134
Tài sản khác	2.272.112.229	1.155.827.377	3.427.939.606
<b>Cộng</b>	<b>757.214.425.363</b>	<b>1.155.827.377</b>	<b>758.370.252.740</b>

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	723.493.644.167	-	723.493.644.167
Tài sản khác	7.515.917.936	1.155.827.377	8.671.745.313
<b>Cộng</b>	<b>731.009.562.103</b>	<b>1.155.827.377</b>	<b>732.165.389.480</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Do Chính Phủ quy định không được phép hoạt động khai thác cát nên Công ty TNHH MTV Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long dự định sẽ được giải thể trong tương lai.

Ngoài ra, không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

**11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 07 năm 2013.

Long An, ngày 15 tháng 07 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI